

UBND THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
PHÒNG TÀI CHÍNH-KH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-TCKH

Đông Hòa, ngày tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 6733/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND thị xã Đông Hòa về việc phê duyệt Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tang vật vi phạm hành chính tịch thu do Chủ tịch UBND thị xã quyết định tịch thu;

Phòng Tài chính - KH thị xã Đông Hòa thông báo việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá:

- Tên đơn vị: Phòng Tài chính - KH thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, khu phố 2, phường Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

2. Tên tài sản, chất lượng, giá khởi điểm tài sản bán đấu giá:

| Số TT | Tên tài sản, chất lượng, đặc điểm, chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng | Giá trị tài sản | Ghi chú |
|-------|--|--|---------|
| 01 | Xe ô tô tải Nhãn hiệu THACO, số loại FD200-4WD, Biển kiểm soát số 78C-080.96, màu sơn xanh, đã qua sử dụng, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 78 004749 | 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) | |
| 02 | Xe ô tô tải Nhãn hiệu THACO, số loại FD35-4WD, Biển kiểm soát số 78C-085.41, màu sơn xanh, đã qua sử dụng, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 78 004710. | 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) | |
| 03 | Máy đào bánh xích màu sơn xanh, nhãn hiệu KOMAT'SU, đã qua sử dụng, thể tích gàu: 0,25 m ³ | 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) | |
| 04 | Xe ô tô tải nhãn hiệu CHIEN THANG, số loại CT3.48DI/4X4, số khung RLDTD32ZLEDD00947, số động cơ 4102QBZL14030058, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 78 006648; biển kiểm soát số 78H-007.00 | 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) | |

3. Tổng giá khởi điểm: 525.000.000 đồng (*Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng*)

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm các tiêu chí sau:

4.1. Cơ sở vật chất: Có trụ sở, địa chỉ rõ ràng, có trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

4.2. Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả và đã thực hiện bán đấu giá đạt hiệu quả tài chính cao (chênh lệch cao hơn so với giá khởi điểm) trên địa bàn tỉnh Phú Yên và thị xã Đông Hòa nói riêng.

4.3. Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản: Là Tổ chức đấu giá được thành lập theo đúng quy định của pháp luật, có đầy đủ bản sao chứng thực chứng chỉ hành nghề đấu giá, Thẻ đấu giá viên. Có năng lực, kinh nghiệm và uy tín trong tổ chức đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

4.4. Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp với quy định của pháp luật;

4.5. Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;

4.6. Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản do đơn vị có tài sản quyết định.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

5.1. Thời gian nhận hồ sơ: kể từ ngày thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản đến trước 15 giờ 00 ngày 04/01/2024.

5.2. Phương thức và địa điểm nộp hồ sơ: Hồ sơ nộp trực tiếp tại Phòng Tài chính - KH thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, khu phố 2, phường Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. (*Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn*).

Phòng Tài chính - KH thị xã Đông Hòa thông báo để các Tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký./.

Nơi nhận:

- UBND thị xã (B/c);
- Các phòng: TN&MT, TP;
- Công TTQG về ĐGTS;
- Công TTĐT thị xã;
- Lưu VT+Bp.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Hồng Thiên

PHỤ LỤC I
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU
GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo số /TB-TCKH ngày
/12/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã Đông
Hòa)

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|-----------|--|-------------|
| I | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá | 23,0 |
| 1 | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | 11,0 |
| 1.1 | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...) | 6,0 |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện | 5,0 |
| 2 | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá | 8,0 |
| 2.1 | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá | 4,0 |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá | 4,0 |
| 3 | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động | 2,0 |
| 4 | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến | 1,0 |
| 5 | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá | 1,0 |
| II | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án) | 22,0 |
| 1 | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan | 4,0 |
| 2 | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao | 4,0 |
| 3 | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá | 4,0 |
| 4 | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá | 4,0 |
| 5 | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá | 3,0 |

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|-----|--|------------|
| 6 | Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá | 3,0 |
| III | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản | 45,0 |
| 1 | Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5 | 6,0 |
| 1.1 | Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào) | 2,0 |
| 1.2 | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng | 3,0 |
| 1.3 | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng | 4,0 |
| 1.4 | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng | 5,0 |
| 1.5 | Từ 30 hợp đồng trở lên | 6,0 |
| 2 | Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5 | 18,0 |
| 2.1 | Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch) | 10,0 |
| 2.2 | Từ 20% đến dưới 40% | 12,0 |
| 2.3 | Từ 40% đến dưới 70% | 14,0 |
| 2.4 | Từ 70% đến dưới 100% | 16,0 |
| 2.5 | Từ 100% trở lên | 18,0 |
| 3 | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3 | 5,0 |
| 3.1 | Dưới 03 năm | 3,0 |
| 3.2 | Từ 03 năm đến dưới 05 năm | 4,0 |
| 3.3 | Từ 05 năm trở lên | 5,0 |
| 4 | Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3 | 3,0 |

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|-----|---|------------|
| 4.1 | 01 đấu giá viên | 1,0 |
| 4.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên | 2,0 |
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên | 3,0 |
| 5 | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số <u>05/2005/NĐ- CP</u> ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số <u>17/2010/NĐ- CP</u> ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3 | 4,0 |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 2,0 |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 3,0 |
| 5.3 | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 4,0 |
| 6 | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4 | 5,0 |
| 6.1 | Dưới 50 triệu đồng | 2,0 |
| 6.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng | 3,0 |
| 6.3 | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng | 4,0 |
| 6.4 | Từ 200 triệu đồng trở lên | 5,0 |
| 7 | Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2 | 3,0 |
| 7.1 | Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào) | 2,0 |
| 7.2 | Từ 03 nhân viên trở lên | 3,0 |
| 8 | Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn | 1,0 |
| IV | Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3 | 5,0 |
| 1 | Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính | 3,0 |
| 2 | Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính) | 4,0 |
| 3 | Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính) | 5,0 |
| V | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài | 5,0 |

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|-----------|--|---------------------------|
| | sản đấu giá quyết định | |
| 1 | Có trụ sở chính đặt tại tỉnh Phú Yên | 1,0 |
| 2 | Từ năm 2021 có thực hiện hợp đồng đấu giá với Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Đông Hòa | 4,0 |
| | Tổng số điểm | 100 |
| VI | Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | |
| 1 | <i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i> | <i>Đủ điều kiện</i> |
| 2 | <i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i> | <i>Không đủ điều kiện</i> |
| | | |